

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý 680/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020, giữa:

*Nguyên đơn:* Ông **Vũ Tấn T**, sinh năm 1953.

Hộ khẩu thường trú: Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Bà **Lê Thị Ánh T**, sinh năm 1963.

Hộ khẩu thường trú: 190/17 Phan Văn Trị, Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 116, quyển số 01/P8, ngày 03 tháng 10 năm 1984 do Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Vũ Tấn T và bà Lê Thị Ánh T.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2020, về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 680/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Ông Vũ Tấn T và bà Lê Thị Ánh T.

## **2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**Về quan hệ hôn nhân:** Ông Vũ Tấn T và bà Lê Thị Ánh T thống nhất thuận tình ly hôn

**Về con chung:** Ông Vũ Tấn T và bà Lê Thị Ánh T có 03 người con chung tên Vũ Tấn T, sinh năm 1985 (đã trưởng thành), Vũ Lê T, sinh năm 1992 (đã trưởng thành) và Vũ Lê Phương T, sinh ngày 03/5/2005. Ông bà thống nhất, bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Vũ Lê Phương T.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, khi cần thiết, có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng việc nuôi con.

**Vấn đề cấp dưỡng việc nuôi con:** Ghi nhận sự tự nguyện của bà Tuyết không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

**Về tài sản chung:** Hai bên thống nhất thỏa thuận tự giải quyết.

**Về nợ chung:** Ông T và bà T xác định không có nợ chung.

**3. Về án phí:** Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng ông T và bà T mỗi người chịu một nửa là 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng. Ông T thuộc trường hợp được miễn nộp án phí, bà T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng.

**4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.**

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

### **Nơi nhận:**

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh
- UBND Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu VP...

**THẨM PHÁN**

**Lê Phú Hạnh**